

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 12 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Ngô Văn Cơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024; về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lương Thị Quỳnh N, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp R, xã S, huyện Y, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp E, xã Q, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/07/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N trình bày: Nguyên năm 2020, bà Lương Thị Quỳnh N với ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 08/03/2023. Trong

quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021 (theo Giấy khai sinh số 78 ngày 08/03/2023), hiện cháu Nguyễn Ngọc Bảo C sống với bà Lương Thị Quỳnh N; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cãi vã, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cả hai không có tiếng nói chung nên đã không còn chung sống vợ chồng.

Nay bà Lương Thị Quỳnh N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Quỳnh N xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Lương Thị Quỳnh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 222/2024/TB-TLVA ngày 07/10/2024 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 181/2024/TB-TA ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 09/10/2024) nên ông Nguyễn Văn T đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Lương Thị Quỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông Nguyễn Văn T không có văn bản trả lời theo Tòa án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N yêu cầu Tòa án

giải quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Lương Thị Quỳnh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Nguyễn Văn T cư trú tại ấp E, xã Ngọc Đông, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N và bị đơn Nguyễn Văn T kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã Q, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 08/03/2023, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Quỳnh N với ông Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết bà Lương Thị Quỳnh N và ông Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc và đã có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021, theo bà Lương Thị Quỳnh N trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 04 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn Nguyễn Văn T tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình “*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do đó, tự bà Lương Thị Quỳnh N hoặc bà Lương Thị Quỳnh N cùng ông Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 27/07/2024 bà Lương Thị Quỳnh N tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc

sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 04 năm 2024 cho đến nay, thời gian bà Lương Thị Quỳnh N với ông Nguyễn Văn T phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã nhiều năm, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái; nay bà Lương Thị Quỳnh N cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do đó, theo bà Lương Thị Quỳnh N yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Nguyễn Ngọc Bảo C trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên quyết định giao con cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trên thực tế cháu Nguyễn Ngọc Bảo C từ khi bà Lương Thị Quỳnh N và ông Nguyễn Văn T không còn chung sống thì bà Lương Thị Quỳnh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Bảo C hiện được bà Lương Thị Quỳnh N nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với bà Lương Thị Quỳnh N. Hiện tại bà Lương Thị Quỳnh N cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C; nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C cho bà Lương Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Bà Lương Thị Quỳnh N là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C đây là sự tự nguyện của bà Lương Thị Quỳnh N. Do vậy, theo bà Lương Thị Quỳnh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) và bà Lương Thị Quỳnh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con điều kiện kinh tế của bà Lương Thị Quỳnh N không đảm bảo nuôi con thì bà Lương Thị Quỳnh N vẫn được quyền khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con (khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C chưa tròn 18 tuổi) theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Lương Thị Quỳnh N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi

kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 132 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 132, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị Quỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Lương Thị Quỳnh N và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/07/2021 cho bà Lương Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Lương Thị Quỳnh N không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lương Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004718 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lương Thị Quỳnh N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên

tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi